

CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC XÃ HỘI CỦA NGƯỜI HOA Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (1955 – 1963)

TRỊNH THỊ MAI LINH*

TÓM TẮT

Sau năm 1954, để giải quyết dứt khoát vấn đề Hoa kiều ở miền Nam Việt Nam, chính quyền Sài Gòn cho ban hành một loạt các đạo dụ liên quan đến vấn đề quốc tịch, kinh tế, văn hóa – xã hội nhằm thực hiện chính sách Việt Nam hóa Hoa kiều. Điều khó khăn nhất đối với chính quyền Việt Nam Cộng hòa là ở chỗ “sức mạnh Trung Hoa” vẫn cản trở bước đường Việt Nam hóa Hoa kiều. Sức mạnh ấy bắt nguồn từ các tổ chức xã hội của người Hoa ở miền Nam Việt Nam.

Từ khóa: người Hoa, chính sách đối với người Hoa, tổ chức xã hội của người Hoa.

ABSTRACT

The policy of Sai Gon government to the Chinese society living in the South of Viet Nam (1955 – 1963)

After 1954, the Sai Gon government promulgated many decrees related to: nationality, economy, social culture. This action was to Vietnamize the overseas Chinese and also to avoid all of the influences from China. The only difficulty was that “the Chinese power” was still there as a hindrance to prevent this action. That power was the Chinese social organizations in the South of Viet Nam.

Keywords: Chinese, the policy to the Chinese, the Chinese social organizations.

1. Đặt vấn đề

Cơ cấu tổ chức xã hội của Hoa kiều đặc biệt phát triển dưới thời Pháp thuộc và đến đầu những năm 50 của thế kỉ XX thì hoàn chỉnh và phát triển thịnh vượng. Nó không chỉ nhằm mục đích bảo vệ, nâng đỡ người Hoa mà còn đóng vai trò trung gian giữa chính quyền sở tại với người Hoa trong các hoạt động kinh tế - văn hóa. Chính quyền Sài Gòn nhận thấy nguy cơ bất ổn nếu cứ tiếp tục để cho “Bang” tồn tại dưới một “chính thể Cộng hòa độc lập về chính trị và kinh tế”. Vì vậy, chính quyền đã giải tán các “Lý Sự

Hội quán Trung Hoa và các Bang Á kiều khác” ở miền Nam Việt Nam vào năm 1960.

2. Nội dung

2.1. Các tổ chức xã hội của người Hoa ở miền Nam Việt Nam trước năm 1960

Năm 1680, vào giữa đời vua Hy Tôn nhà Lê và chúa Hiền, người Hoa bắt đầu đến định cư, lập nghiệp ở Đàng Trong một cách quy mô và tổ chức. Đến năm 1814, niên hiệu Gia Long thứ 13, người Hoa ở Việt Nam mới được phép họp nhau lại thành các Bang theo phương ngữ của mình. Đến thời Pháp thuộc, theo Hiệp ước Hoa – Pháp ngày 28-2-1946,

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

“Bang” được đổi tên thành “Nhóm Hành chính Trung Hoa địa phương”.

Ban đầu, các Bang tồn tại độc lập theo từng phương ngữ, dần dần phát triển thành một hệ thống đặt dưới sự cai quản trực tiếp của Trung Hoa Lý Sự Tổng hội. Các Lý Sự Hội quán trực thuộc Trung Hoa Lý Sự Tổng hội bao gồm: Lý Sự Hội quán Hải Nam, Lý Sự Hội quán Hẹ, Lý Sự Hội quán Phước Kiến, Lý Sự Hội quán Quảng Đông, Lý Sự Hội quán Triều Châu. Ngoài Y viện Trung Chánh trực thuộc Trung Hoa Lý Sự Tổng hội, mỗi Lý Sự Hội quán có cơ sở hoạt động ở Sài Gòn và Chợ Lớn và đều có những tài sản riêng, thu lợi hàng tháng là các dãy nhà phố cho thuê, trường học, chùa, bệnh viện, nghĩa trang. Việc quản trị các tài sản trên đều thuộc thẩm quyền của từng Lý Sự hội quán sở hữu, chính quyền sở tại không có quyền can thiệp đến hoạt động cũng như tài sản của các Lý Sự hội quán này.

Bên cạnh các Lý Sự Hội quán, về mặt xã hội, người Hoa còn có các tổ chức như: Hội Lions Club Chợ Lớn, Hội thể thao các trường Hoa kiều (Lê Chí, Ninh Giang, Kiến Thanh...), Hội tương trợ các Bang Hoa kiều, Hội các chùa (chùa Bà Chợ Lớn), các tổ chức bệnh viện với các Ban quản trị biệt lập, Hội kí giả báo Hoa ngữ, Hội ái hữu cựu sinh viên Hoàng Phố, các nghĩa trang của từng Lý Sự hội quán.

Với mục đích giúp đỡ, tương trợ nhau trên lĩnh vực thương mại giữa những người Hoa ở miền Nam Việt Nam còn có các tổ chức như: Phòng thương mại Hoa kiều, Nghiệp đoàn công nhân

hãng dệt, hãng ve chai, tiệm thuốc Bắc, thợ bạc, nhà hàng, khách sạn, tiệm nước, vận tải.

Điểm đặc biệt là các trường học Hoa kiều bao gồm các cấp: sơ cấp, tiểu học, trung học. Theo tài liệu của Sứ quán Trung Hoa Dân quốc, tính đến năm học 1955 – 1956, ở miền Nam Việt Nam, có 88 trường học Hoa kiều, với tổng số học sinh Hoa kiều là 38.953. Đây là nơi hun đúc và bảo vệ “tinh thần Trung Hoa”. Không chỉ có trường học, các Nhật báo và Tuần báo Hoa ngữ có đến 13 tờ, trong khi báo Việt ngữ chỉ có 9 tờ (theo phúc trình hàng tháng của Nha Thông tin Nam Việt, tính đến 14-1-1955) khiến cho chính quyền Sài Gòn phải kinh ngạc và lo sợ về tầm ảnh hưởng cũng như sự lớn mạnh của kênh thông tin Trung Hoa.

Như vậy, các tổ chức xã hội của người Hoa ở miền Nam Việt Nam thực sự trở thành rào cản trên bước đường Việt Nam hóa cộng đồng người Hoa của chính quyền Sài Gòn. Vì vậy mà chính quyền Sài Gòn buộc phải thi hành các biện pháp nhằm phá vỡ các tổ chức xã hội của người Hoa ở miền Nam Việt Nam.

2.2. Chính sách của chính quyền Sài Gòn đối với tổ chức xã hội của người Hoa ở miền Nam Việt Nam (1955 – 1963)

Ngay sau khi xác lập chính quyền ở miền Nam Việt Nam với sự hậu thuẫn của Hoa Kỳ về mọi mặt, chính quyền Sài Gòn đã thực hiện ngay một chính sách Việt Nam hóa Hoa kiều trên tất cả các lĩnh vực: quốc tịch, kinh tế, văn hóa – xã hội. Việc này được Chính phủ tham khảo

ý kiến của tất cả các Bộ, ngành liên quan và cho tiến hành theo từng giai đoạn ở miền Nam Việt Nam.

Đầu tiên là về vấn đề quốc tịch, với Dự số 10 (7-12-1955) quy định về Bộ luật quốc tịch Việt Nam, Điều 16 quy định “trẻ nào sinh đẻ tại Việt Nam mà cha mẹ đều là người Trung Hoa, nếu một trong hai người này cũng sinh đẻ tại Việt Nam thì trẻ đó là người Việt Nam và không có quyền từ khước Việt tịch”. Sau đó, Dự số 48 (21-8-1956) sửa đổi Bộ luật quốc tịch Việt Nam ban hành Điều 16 mới thay thế cho Điều 16 của Dự số 10 quy định như sau: “là người Việt Nam trẻ nào sinh tại Việt Nam, có cha mẹ vốn gốc người Trung Hoa”. Cuối cùng là Dự số 58 (25-10-1956), Điều 58 điệp: “Riêng người Trung Hoa có thể được Tổng thống tùy mỗi trường hợp đặc cách miễn các điều kiện trên để nhập quốc tịch Việt Nam”. Như vậy, việc nhập Việt tịch của người Hoa đã được chính quyền Việt Nam Cộng hòa cụ thể hóa bằng những đạo dụ, mang tính chất bắt buộc rất khắt khe. Ban đầu việc nhập Việt tịch của người Hoa ở miền Nam Việt Nam diễn ra rất chậm, đa số đều chờ đợi sự can thiệp của chính phủ Trung Hoa Dân quốc. Theo Nguyễn Văn Vàng, Đặc ủy Nha Trung Hoa Sự Vụ, tính đến ngày 13-11-1956, sau khi Dự số 48 ban hành được khoảng 3 tháng thì: “Rất ít Hoa kiều đến khai nhận Việt tịch, Dự 48 chưa đem lại một kết quả khả quan” [7].

Vì “Tổng thống rất lưu tâm đến vấn đề quốc tịch và muốn thấy vấn đề quốc tịch được giải quyết càng sớm càng tốt” [7] nên Dự số 53 (6-8-1956) cấm ngoại

kiều hay các Hội xã công ti ngoại quốc không được hoạt động 11 nghề trên toàn miền Nam Việt Nam đã ra đời để hỗ trợ cho chính sách quốc tịch được diễn ra nhanh chóng. Các nghề cấm bao gồm: buôn bán cá và thịt; buôn bán chạp phô (tạp hóa); buôn bán than củi; buôn bán xăng, dầu lửa, dầu nhớt (trừ các hãng nhập cảng); cầm đồ bình dân; buôn bán vải sò, tơ lụa (dưới 10.000 thước tính chung các thứ), chỉ sợi; buôn bán sắt, đồng thau vụn; nhà máy xay lúa; buôn bán ngũ cốc; chở hàng hóa hay hành khách bằng xe hơi, tàu, thuyền; trung gian ăn huê hồng. Theo thống kê của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, số thương gia là người Hoa hoạt động trong 11 nghề mà chính quyền cấm chiếm tỉ lệ 21%. Thương gia người Hoa được chọn một trong ba biện pháp: nhập Việt tịch để tiếp tục kinh doanh; sang môn bài cho vợ (có hôn thú chính thức) hoặc con (sinh tại Việt Nam); hùn vốn kinh doanh với người Việt theo tỉ lệ 51% vốn của người Việt, 49% vốn của người Hoa và để người Việt đứng tên kinh doanh. Nếu không chấp thuận một trong ba biện pháp trên thì buộc phải hồi hương về Trung Hoa Dân quốc (Đài Loan) trước ngày 31-8-1957.

Vấn đề quản lí các tổ chức xã hội của người Hoa đã được đặt ra từ trước khi Ngô Đình Diệm lập nền Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. Trong một báo cáo của Lý Giai Hàng, Giám định viên đặc nhiệm Á Đông vụ gửi Thủ tướng Chính phủ Việt Nam (Ngô Đình Diệm) ngày 23-2-1955 có đề cập đến vấn đề phức tạp của các tổ chức Hoa kiều và đề nghị:

“Những Hiệp hội Hoa kiều đã tự động thành lập phải giải tán ngay; những Hiệp hội đang xin phép mà chưa được Chính phủ chấp thuận thì không được hoạt động; Nha Chính trị Bộ Nội vụ phải trình lên Thủ tướng bản kê các Hiệp hội Hoa kiều đã được chính phủ cho phép và danh sách nhân viên trong Ban Quản trị để xét lại; những Hiệp hội Hoa kiều phải được củng cố hoặc tổ chức lại” [5].

Kết quả dễ nhận thấy nhất của chính sách quốc tịch và kinh tế đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam của chính quyền Sài Gòn là số Hoa kiều nhập Việt tịch tăng lên nhanh chóng. Đến ngày 31.10.1960, theo thống kê của Nha Trung Hoa Sự vụ trong tổng số 235.000 người Hoa trên 18 tuổi cư trú tại miền Nam Việt Nam thì có 231.160 người Hoa đã nhập Việt tịch. Số Hoa kiều xin cư trú tại Việt Nam với tư cách ngoại kiều chỉ còn 2.550 người. Riêng về các đại diện của người Hoa ở miền Nam Việt Nam có 158/227 Chánh, Phó Lý Sự trưởng đã nhập Việt tịch. Đây là thời điểm thích hợp để chính quyền Sài Gòn đưa ra vấn đề “tồn tại hay không tồn tại tổ chức xã hội của người Hoa ở miền Nam Việt Nam?”.

Để giải quyết dứt khoát vấn đề trên, chính quyền Sài Gòn đã chấm dứt chế độ Lý Sự Hội quán Trung Hoa với Sắc lệnh số 133 – NV (10-6-1960) về việc giải tán các Lý Sự Hội quán Trung Hoa và các Bang Á kiều khác ở miền Nam Việt Nam.

Điều thứ nhất của Sắc lệnh 133 – NV: “Nay bãi bỏ trên toàn lãnh thổ Việt Nam các Lý Sự Hội quán Trung Hoa, các

Bang Á kiều khác và chấm dứt cùng một lúc chức vụ Chánh, Phó Lý Sự trưởng và các Chánh, Phó Bang trưởng Á kiều” [9]. Điều này nhằm phá vỡ sự tồn tại độc lập cũng như xóa bỏ vai trò trung gian giữa các tổ chức xã hội này với chính quyền sở tại và người Hoa. Từ nay, cộng đồng người Hoa ở miền Nam Việt Nam đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Với bất kỳ chính sách nào của chính quyền Sài Gòn áp dụng trên cộng đồng người Hoa ở miền Nam Việt Nam đều gặp phải phản ứng gay gắt từ phía Trung Hoa Dân quốc. Tuy nhiên, khác với những lần phản ứng trước về vấn đề quốc tịch và kinh tế, lần này phía Đài Loan chỉ quan tâm đến việc liệu chính quyền Sài Gòn sẽ giải quyết như thế nào đối với số tài sản khổng lồ của các Trung Hoa Lý sự tổng hội mà người Hoa đã gây dựng từ bao đời nay ở Việt Nam. Số tài sản ước lượng khoảng 500 triệu đồng Việt Nam lúc bấy giờ bao gồm các căn phố cho thuê, trường học, chùa, bệnh viện, nghĩa trang, chủ yếu là bất động sản. Tiêu biểu như tài sản của Lý sự Hội quán Triều Châu ở Chợ Lớn lên đến 100 triệu đồng Việt Nam (tương đương 300.000 USD lúc đó).

Chính quyền Sài Gòn đã dự liệu vấn đề khó khăn và phức tạp trên ở điều thứ hai của Sắc lệnh 133 – NV: “Tài sản của các Lý Sự Hội quán và các Bang Á kiều sẽ do các Ủy ban quản trị đảm nhận dưới quyền chủ tọa của cơ quan hành chánh địa phương, cho đến khi các tài sản này được thanh toán xong” [9]. Về thành phần của Ủy ban quản trị, điều thứ ba của

Sắc lệnh 133 – NV quy định: “Thành phần của Ủy ban quản trị Đô thành Sài Gòn gồm có: Chủ tịch là Đô trưởng; Hội viên: một đại diện Bộ Nội vụ, một đại diện Bộ Tư pháp, một đại diện Bộ Ngoại giao, một đại diện Bộ Giáo dục, một đại diện Bộ Tài chính, một đại diện Bộ Y tế, Tổng Giám đốc xã hội, các Lý Sự trưởng hoặc Bang trưởng liên hệ, hai nhân sĩ Việt Nam gốc Trung Hoa nếu xét về Lý Sự hội quán Trung Hoa, một nhân sĩ Hoa kiều hoặc Á kiều khác tùy trường hợp xét về Lý sự Hội quán Trung Hoa hay các Bang Á kiều; Cố vấn: Đặc ủy Nha Trung Hoa Sự Vụ” [9]. Ban Quản trị các tỉnh hoặc thị xã do ông Tỉnh trưởng hoặc Thị trưởng làm chủ tịch, thành phần các Hội viên cũng tương tự như ở Đô thành Sài Gòn. Tiếp sau đó, Bộ Nội vụ được lệnh cho giải tán các Hội Hoa kiều đồng hương hay đồng nghiệp vì lí do họ đã nhập Việt tịch.

2.3. Những phản ứng từ phía Trung Hoa Dân quốc về các biện pháp của chính quyền Sài Gòn đối với tổ chức xã hội của người Hoa ở miền Nam Việt Nam

Việc chính quyền Sài Gòn giải tán các Lý Sự Hội quán Trung Hoa và các Hội Hoa kiều đồng hương khiến cho chính giới và báo chí Đài Loan phản ứng rất mạnh. Đại sứ Viên Tử Kiện lập tức được triệu tập về Đài Loan để điều trần về vấn đề trên với Hành chánh viện và Lập pháp viện của Trung Hoa Dân quốc. Theo họ, chính quyền Việt Nam Cộng hòa không nên giải tán các Lý Sự hội vì đó chỉ là những hội của những người đồng hương họp nhau để thờ cúng thần thánh và tương trợ lẫn nhau mặc dù phần

lớn Hoa kiều đã gia nhập Việt tịch. Họ cho rằng, chính quyền Sài Gòn đã che đậy việc tịch thu tài sản của các Bang dưới hình thức một Ban quản trị tài sản và việc làm này đã vi phạm đến quốc tế công pháp và tư pháp, đồng thời trái với cả Hiến pháp của Việt Nam Cộng hòa. Theo Trịnh Nhạn Phân, Cựu Chủ tịch Kiều ủy hội và đương kim Bộ trưởng Bộ Tư pháp của Trung Hoa Dân quốc cho rằng: “Tài sản của các Bang là tài sản bao đời Hoa kiều đã dành dụm và yêu cầu chính quyền Việt Nam Cộng hòa phải tôn trọng quyền tư hữu đó”. Cùng với luận điểm trên, các nghị sĩ của Trung Hoa quốc gia bình luận: “Chính quyền Việt Nam Cộng hòa tịch thu tài sản của Hoa kiều chẳng khác nào Cuba tịch thu tài sản của Hoa Kỳ”. Theo họ, hành động này của Việt Nam Cộng hòa là một hành động không hợp tình, không hợp lí, không hợp pháp và đề nghị Chính phủ Trung Hoa Dân quốc phải có những hành động cứng rắn đối với Việt Nam Cộng hòa.

Trước thái độ của chính giới Đài Loan thì chính phủ Trung Hoa Dân quốc lại tỏ ra do dự vì muốn giữ mối giao hảo với Việt Nam Cộng hòa. Vì thế, lập trường của Trung Hoa Dân quốc là nhượng bộ đối với việc giải tán các Lý Sự hội, nhưng sẽ kiên quyết tranh đấu để bảo tồn tài sản cho Hoa kiều với quan điểm: chính phủ Việt Nam Cộng hòa chỉ có thể kiểm soát chứ không được tiếp thu và tự quản các tài sản ấy. Để xoa dịu dư luận cũng như chính giới, ngày 6-12-1960, Bộ Ngoại giao Trung Hoa Dân quốc đã điều trần với các Nghị sĩ Viện

Lập pháp rằng: “Cuộc thương thuyết với Việt Nam về vấn đề hàng Bang vẫn được tiếp tục tiến hành”.

Với việc giải tán các Lý Sự hội quán Trung Hoa và giao tài sản của các tổ chức này cho những Ủy ban quản trị mà chủ tịch của những ủy ban này đều là “người của chính quyền Sài Gòn” thì vấn đề quản lý các tổ chức xã hội của người Hoa ở miền Nam Việt Nam thuộc về chính quyền Sài Gòn. Không như trước đây, các tổ chức xã hội này chỉ chịu sự quản lý của Đại Sứ quán Trung Hoa tại miền Nam Việt Nam. Theo Sắc lệnh 133 – NV, thời gian tồn tại của các Ủy ban quản trị này sẽ chấm dứt khi tài sản của các Lý Sự hội quán được thanh toán xong. Điều này khiến người ta ngờ vực những giá trị mà Sắc lệnh 133 – NV đem lại vì trong một thời gian ngắn, trên lý thuyết cũng như trong thực tế có những tài sản của các Lý Sự hội không thể thanh toán được như: bệnh viện, trường học, nghĩa trang.

3. Kết luận

Với vấn đề Hoa kiều ở miền Nam Việt Nam, chính quyền Việt Nam Cộng hòa không chỉ muốn giành độc lập về kinh tế từ tay Hoa kiều mà còn muốn kiểm soát họ chặt chẽ, thoát li Trung Hoa và ràng buộc họ với “chính thể Việt Nam Cộng hòa”.

Việc giải tán các Lý Sự Hội quán và các Bang Á kiều ở miền Nam Việt Nam thực chất nhằm thực hiện một chính sách Việt Nam hóa Hoa kiều trên tất cả các phương diện. Trước đó, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã có những chính sách về quốc tịch và kinh tế đối với Hoa kiều ở miền Nam Việt Nam. Phải thừa nhận rằng, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã rất quyết liệt với Hoa kiều ở miền Nam Việt Nam.

Hệ lụy tất yếu của chính sách “đồng hóa cưỡng bức” là sự mất lòng tin, mất sự ủng hộ của cộng đồng người Hoa ở miền Nam Việt Nam đối với chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An (2005), *Người Hoa ở Nam Bộ*, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Nxb Khoa học xã hội.
2. Nguyễn Trúc Bình (1973), “Các nhóm Hoa và vấn đề thống nhất tên gọi”, *Thông báo Dân tộc học*, (3), tr.95 – 98.
3. Nghị Đoàn (1999), *Người Hoa ở Việt Nam – Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb TPHCM.
4. Châu Hải (1992), *Nhóm các cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội.
5. Hồ sơ phong Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II – TPHCM.
6. Hồ sơ phong Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II – TPHCM.
7. Trần Khánh (2002), *Người Hoa trong xã hội Việt Nam: thời Pháp thuộc và dưới chế độ Sài Gòn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

(Xem tiếp trang 131)

8. Đào Trinh Nhất (1924), Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ, in tại nhà in Thụy Kí, Hà Nội.
9. Tsai Maw Kuey (1968), Người Hoa ở miền Nam Việt Nam, Paris, Thư viện Quốc gia TPHCM.

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-7-2012; ngày phản biện đánh giá: 16-10-2012;
ngày chấp nhận đăng: 06-12-2012)*